

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 225/QĐ-ĐHTD, ngày 15 tháng 5 năm 2018 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô)

Tên chương trình : **Cử nhân Quản trị kinh doanh**
Trình độ đào tạo : **Đại học**
Ngành đào tạo : **Quản trị kinh doanh**
Tên Tiếng Anh : **Business Administration**
Mã ngành : **7340101**
Loại hình đào tạo : **Chính quy tập trung**

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo theo tín chỉ chuyên ngành Quản trị kinh doanh nhằm đào tạo các Cử nhân kinh tế có đủ kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc tốt ở các công việc liên quan đến quản trị kinh doanh trong doanh nghiệp và các tổ chức.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Cử nhân Quản trị kinh doanh phải đạt chuẩn về kiến thức, kỹ năng, tố chất và có thể đảm nhận các công việc có liên quan đến chuyên ngành đào tạo như sau:

▪ **Kiến thức:**

G1. Người học được trang bị những kiến thức cơ bản về pháp luật chính trị, toán-tin, khoa học xã hội, tự nhiên, tài chính, kế toán...

G2. Người học được trang bị kiến thức chuyên sâu cả lý thuyết và thực tế trong các lĩnh vực khác nhau của ngành quản trị kinh doanh để hoạch định, thực thi, điều hành và quản lý các công việc liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh ở các doanh nghiệp/ tổ chức trong môi trường luôn thay đổi.

G3. Người học được trang bị kiến thức về phương pháp luận giải quyết vấn đề trong doanh nghiệp/tổ chức liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh.

▪ **Kỹ năng:**

G4. Kỹ năng phân tích, đánh giá và thực hiện công việc tác nghiệp liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh trong doanh nghiệp/ tổ chức.

G5. Kỹ năng giao tiếp, đàm phán - thương lượng, xử lý và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống của doanh nghiệp/ tổ chức.

G6. Kỹ năng hoạch định, tổ chức, điều hành, kiểm tra, kiểm soát các vấn đề liên quan đến chiến lược, kế hoạch kinh doanh, marketing, bán hàng.

G7. Sử dụng tốt ngoại ngữ và công nghệ thông tin để phục vụ cho công việc.

G8. Tư duy, nhận thức và giải quyết vấn đề mang tính độc lập cao.

G9. Người học có thể tự khởi sự kinh doanh và tạo việc làm cho người khác

▪ **Thái độ:**

G10. Năng động, cầu tiến, sáng tạo, có tính kỷ luật và tác phong công nghiệp.

G11. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm đối với xã hội.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Kiến thức

2.1.1. Kiến thức chung

K1. Nắm rõ một cách hệ thống các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, các kiến thức về toán học, kiến thức xã hội, khoa học tự nhiên để vận dụng trong học tập, nghiên cứu vào lĩnh vực kinh tế.

K2. Sử dụng tốt ngoại ngữ và các phần mềm tin học trong lĩnh vực kinh tế.

2.1.2. Kiến thức chuyên môn

K3. Nắm vững các kiến thức chuyên ngành quản trị kinh doanh và các lĩnh vực liên quan như kế toán, tài chính,...

K4. Thực thi các hoạt động điều hành và quản lý các công việc liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh tại các bộ phận của doanh nghiệp/ tổ chức;

K5. Nhận biết, phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh tại các bộ phận trong doanh nghiệp/tổ chức; phân tích, đánh giá, xây dựng và giám sát các kế hoạch, chiến lược kinh doanh trong doanh nghiệp/tổ chức.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng mềm

S6. Áp dụng hiệu quả các kỹ năng mềm (giao tiếp, làm việc nhóm, viết - đọc và trình bày, thuyết trình, đàm phán thương lượng, ...) vào công việc thực tế.

S7. Sử dụng tốt ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (ngoại ngữ tương đương trình độ TOEIC \geq 450 điểm) và tin học tương đương trình độ Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao.

2.2.2. Kỹ năng nghề nghiệp

S8. Thu thập, xử lý, phân tích, đánh giá thông tin để giải quyết vấn đề liên quan đến các hoạt động trong doanh nghiệp/ tổ chức;

S9. Vận dụng kỹ năng quản trị trong việc thực hiện hoạt động tác nghiệp liên quan đến các hoạt động trong doanh nghiệp/tổ chức;

S10. Dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác;

S11. Thực hiện được việc hoạch định, tổ chức, thực thi, kiểm tra, kiểm soát các vấn đề liên quan đến hoạt động trong doanh nghiệp/ tổ chức.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

C12. Có phẩm chất đạo đức tốt; ý thức và có tinh thần trách nhiệm công dân.

C13. Khả năng ứng biến tốt trong môi trường thay đổi, mềm dẻo, ứng biến, linh hoạt với nhiều điều kiện, hoàn cảnh đa dạng.

C14. Khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân;

C15. Có thể lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

2.4. Định hướng nghề nghiệp, vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

- Bắt đầu với các vị trí nhân viên, chuyên viên trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo như: kinh doanh, marketing, bán hàng, chăm sóc khách hàng, nghiên cứu thị trường,... và trong thời gian ngắn có thể đảm đương được các vị trí quản lý cấp trung và phát triển lên cấp cao khi hội tụ đủ các điều kiện cần thiết về kinh nghiệm, bản lĩnh, khả năng trong các doanh nghiệp và cơ quan quản lý và các tổ chức phi lợi nhuận.

- Làm việc trong môi trường áp lực cao, môi trường làm việc đa văn hoá.

- Có khả năng nghiên cứu, học tập tiếp ở bậc cao hơn.

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có khả năng tự học tập, nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn; duy trì, cải thiện kỹ năng mềm.

- Có thể học thêm một bằng đại học khác hoặc học tiếp bậc Thạc sĩ hay Tiến sĩ ở các trường đại học theo qui định của Bộ Giáo Dục và Đào tạo.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4,0 năm (8,0 học kỳ; 2,0 học kỳ/năm).

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 150 tín chỉ.

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Tây Đô. Công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo.
- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

6.1. Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-DHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-DHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô) và Quy định các kỹ năng chuẩn đầu ra cho sinh viên, học sinh trường Đại học Tây Đô.

- a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- b) Tích lũy đủ số học phần quy định theo chương trình đào tạo;
- c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;
- d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – an ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất.
- e) Đạt chuẩn kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và được cấp chứng chỉ theo quy định nhà trường.

7. THANG ĐIỂM

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trường trường Đại học Tây Đô).

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Tổng số tín chỉ phải tích lũy **150 tín chỉ** (kể cả Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh).

STT	Khối kiến thức	Tín chỉ
1	Kiến thức giáo dục đại cương	48
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	90
	Trong đó:	
	- Kiến thức cơ sở khối ngành	8
	- Kiến thức cơ sở ngành	14
	- Kiến thức ngành	40
	- Kiến thức bổ trợ	16
- Kiến thức tự chọn	14	
3	Thực tập tốt nghiệp, đồ án, khóa luận tốt nghiệp (hoặc tiểu luận tốt nghiệp kết hợp học phần thay thế)	12
	Tổng	150

7.1 Kiến thức giáo dục đại cương 48

7.1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư Tưởng Hồ Chí Minh		10
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin	5
2	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
7.1.2. Khoa học xã hội		4
1	Pháp luật đại cương	2
2	Luật kinh tế	2
7.1.4. Ngoại ngữ		12

1	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	4
2	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	4
3	Tiếng Anh định hướng Toeic 3	4
7.1.5. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ – Môi trường		11
1	Toán cao cấp	4
2	Tin học căn bản	2
3	Thực hành tin học căn bản	2
4	Thống kê kinh doanh	3
7.1.6. Giáo dục thể chất - quốc phòng		11
1	Giáo dục quốc phòng	8
2	Giáo dục thể chất	3
7.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		90
7.2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành		8
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Kinh tế quốc tế	2
7.2.2. Kiến thức cơ sở của ngành		14
1	Quản trị học	3
2	Phân tích định lượng trong kinh doanh	2
3	Toán kinh tế	3
4	Nguyên lý kế toán	3
5	Nguyên lý Marketing	3
7.2.3. Kiến thức ngành		40
1	Tâm lý và hành vi khách hàng	2
2	Thương mại điện tử	2
3	Quản trị sản xuất	2
4	Quản trị bán hàng	3
5	Nghiên cứu Marketing	3
6	Tiếp thị số (Internet Marketing)	2
7	Quản trị tài chính	2
8	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	2
9	Quản trị nhân sự	2

10	Lập và phân tích dự án	3
11	Chuyên đề quản trị kinh doanh	4
12	Hành vi tổ chức	3
13	Quản trị chiến lược	3
14	Quản trị Marketing	3
15	Quản trị chất lượng	2
16	Quản trị thương hiệu	2
7.2.4. Kiến thức bổ trợ ngành (bắt buộc)		14
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
2	Kế toán quản trị	2
3	Tiếng Anh chuyên ngành	4
4	Thanh toán quốc tế	2
5	Thị trường tài chính	2
6	Thuế	2
7.2.5. Phần tự chọn		14
1	Nghệ thuật quảng cáo	2
2	Quan hệ công chúng	2
3	Kỹ năng bán hàng	2
4	Marketing quốc tế	2
5	Marketing du lịch	2
6	Quản trị kinh doanh nhà hàng	2
7	Quản trị hệ thống thông tin	2
8	Nhượng quyền thương mại	2
9	Vận tải và bảo hiểm ngoại thương	3
10	Hợp đồng thương mại quốc tế	3
11	Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế	2
12	Quản trị cung ứng và Logistic	3
13	Quản trị kinh doanh khách sạn	2
14	Quản trị rủi ro	2
15	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2
16	Quản trị sự thay đổi	2
17	Phát triển kỹ năng quản trị	2

18	Quản trị cung ứng	3
19	Nghiệp vụ ngoại thương	3
20	Quản trị kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành	3
21	Quản trị kinh doanh quốc tế	3

9. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

	Học phần	Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành
Học kỳ 1:		25	375	180	90
1	Toán cao cấp	4	60	60	
2	Những nguyên lý cơ bản của CN-ML I	2	30	30	
3	Pháp luật đại cương	2	30	30	
4	Tin học căn bản (lý thuyết)	2	30		
5	Thực hành tin học căn bản	2	30		60
6	Tiếng Anh định hướng TOEIC 1	4	60	60	
7	Giáo dục quốc phòng	8	120		
8	Giáo dục thể chất 1	1	15		30
Học kỳ 2:		21	315	225	180
1	Thống kê kinh doanh	3	45	30	30
2	Những nguyên lý cơ bản của CN-ML II	3	45	45	
3	Kinh tế vi mô	3	45	15	30
4	Luật kinh tế	2	30	30	30
5	Thuế	2	30	15	30
6	Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	4	60	60	
7	Nguyên lý Marketing	3	45	30	30
8	Giáo dục thể chất 2	1	15		30
Học kỳ 3:		21	315	210	180
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	
2	Quản trị học	3	45	30	30

4	Kinh tế vĩ mô	3	45	30	30
5	Toán kinh tế	3	45	15	30
6	Phân tích định lượng trong kinh doanh	2	30	15	30
7	Nguyên lý kế toán	3	45	30	30
8	Tiếng Anh định hướng TOEIC 3	4	60	60	
9	Giáo dục thể chất 3	1	15		30
Học kỳ 4:		19	285	165	240
1	Đường lối cách mạng của đảng CSVN	3	45	45	
2	Tâm lý và hành vi khách hàng	2	30	15	30
3	Kế toán quản trị	2	30	15	30
4	Thương mại điện tử	2	30	15	30
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	15	30
6	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	30	15	30
7	Thanh toán quốc tế	2	30	15	30
8	Kinh tế quốc tế	2	30	15	30
9	Thị trường tài chính	2	30	15	30
Học kỳ 5:		18	270	165	210
1	Quản trị sản xuất	2	30	15	30
2	Quản trị bán hàng	3	45	30	30
3	Nghiên cứu Marketing	3	45	30	30
4	Tiếp thị số (Internet Marketing)	2	30	15	30
5	Tiếng Anh chuyên ngành 2	2	30	15	30
Phần tự chọn:		6	90	60	60
1	Nghệ thuật quảng cáo	2	15	30	30
2	Quan hệ công chúng	2	15	15	30
3	Kỹ năng bán hàng	2	30		
4	Marketing quốc tế	2	30	15	30
5	Marketing du lịch	2	30	15	30

6	Quản trị kinh doanh nhà hàng	2	30	15	30
Học kỳ 6:		17	255	135	240
1	Quản trị tài chính	2	30	15	30
2	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	2	30	15	30
3	Quản trị nhân sự	2	30	15	30
4	Lập và phân tích dự án	3	45	30	30
5	Chuyên đề quản trị kinh doanh	4	60	30	60
Phần tự chọn:		4	60	30	60
1	Quản trị hệ thống thông tin	2	30	15	30
2	Nhượng quyền thương mại	2	30	15	30
3	Vận tải và bảo hiểm ngoại thương	3	45	30	30
4	Hợp đồng thương mại quốc tế	3	45	15	45
5	Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế	2	30	15	30
6	Quản trị cung ứng và Logistic	3	45	30	30
7	Quản trị kinh doanh khách sạn	2	30	15	30
Học kỳ 7:		17	255	150	210
1	Hành vi tổ chức	3	45	30	30
2	Quản trị chiến lược	3	45	30	30
3	Quản trị Marketing	3	45	30	30
4	Quản trị chất lượng	2	30	15	30
5	Quản trị thương hiệu	2	30	15	30
Phần tự chọn:		4	60	30	60
1	Quản trị rủi ro	2	30	15	30
2	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2	30	15	30
3	Quản trị sự thay đổi	2	30	15	30
4	Phát triển kỹ năng quản trị	2	30		
5	Quản trị cung ứng	3	45	30	30
6	Nghiệp vụ ngoại thương	3	45	30	30

7	Quản trị kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành	3	45	30	30
8	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	45	30	30
Học kỳ 8:		12	180		360
1	Loại hình 1:	12	180		360
	Thực tập, thực hiện khóa luận tốt nghiệp	12	180		360
2	Loại hình 2:	12	180		360
	Thực tập, thực hiện tiểu luận tốt nghiệp	8	120		240
	1. Học phần tốt nghiệp 1: Marketing tổng hợp	2	30	30	
	2. Học phần tốt nghiệp 2: Quản trị doanh nghiệp	2	30	30	
	Tổng cộng:	150	2250	1230	1710

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH:

Giờ quy đổi được tính như sau:

1 tín chỉ = 15 tiết giảng lý thuyết (Các học phần lý thuyết)

= 30 tiết đối với học phần thực tập

= 60 tiết đối với thực tập tốt nghiệp tại đơn vị thực tập

Số tiết của các học phần là bội số của 15; 1 tiết: 50 phút.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Hồng Luận